

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 43

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách trung thực hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Số: 124 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (được gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 43. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 26 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1808-2013-001-1

12600
HI NH
CÔNG
NHIỆM
E LOI
I ET N
TP.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		432.298.742	444.899.244
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	151.233.128	151.002.271
1. Tiền	111		45.449.193	46.347.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.783.935	104.654.498
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.283.747	561.862
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	19.283.747	561.862
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		208.742.432	232.249.718
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	195.295.678	221.281.903
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.495.256	5.476.247
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.167.610	5.771.230
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(227.381)	(291.455)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.269	11.793
IV. Hàng tồn kho	140	9	45.932.499	57.695.816
1. Hàng tồn kho	141		51.227.203	60.359.735
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.294.704)	(2.663.919)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.106.936	3.389.577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.646.821	1.600.512
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.460.115	1.789.065
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		774.730.227	652.001.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		786.420	846.540
1. Phải thu dài hạn khác	216		786.420	846.540
II. Tài sản cố định	220		742.204.101	550.779.241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	733.077.041	541.352.304
- Nguyên giá	222		1.005.449.597	787.633.804
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(272.372.556)	(246.281.500)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.127.060	9.426.937
- Nguyên giá	228		13.290.374	13.094.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.163.314)	(3.667.861)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.917.403	69.490.567
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.917.403	69.490.567
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		26.494.872	29.814.189
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	26.494.872	29.814.189
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.327.431	1.071.305
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.913.561	649.526
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	378.039	374.004
3. Lợi thế thương mại	269		35.831	47.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.207.028.969	1.096.901.086

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015		31/12/2014	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		615.784.709		545.592.750	
I. Nợ ngắn hạn	310		274.332.503		328.956.145	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	88.324.117		135.167.958	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		308.624		1.206.979	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	15.588.012		22.303.881	
4. Phải trả người lao động	314		9.355.226		11.444.497	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	68.705.041		65.059.629	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.925.726		11.967.867	
7. Vay ngắn hạn	320	20	47.424.158		54.440.073	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	20.492.757		18.280.537	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.208.842		9.084.724	
II. Nợ dài hạn	330		341.452.206		216.636.605	
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	21.985.343		22.600.015	
2. Vay dài hạn	338	22	260.803.630		145.712.284	
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	11.616.226		7.334.895	
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	47.047.007		40.989.411	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		591.244.260		551.308.336	
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	591.244.260		551.308.336	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		161.095.191		161.095.191	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		161.095.191		161.095.191	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		126.770.844		126.770.844	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(966.501)		(17.257)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(11.155.983)		(8.529.349)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.177.066		68.328.280	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		227.925.601		192.622.178	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		192.622.178		107.144.870	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		35.303.423		85.477.308	
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.398.042		11.038.449	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.207.028.969		1.096.901.086	



Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		383.257.802	472.081.143
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	28	383.257.802	472.081.143
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	294.097.041	371.306.344
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.160.761	100.774.799
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	4.311.733	3.167.700
6. Chi phí tài chính	22	32	9.803.174	7.856.060
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.813.517	3.760.886
7. Phần lãi trong công ty liên doanh	24	13	1.596.619	8.234.278
8. Chi phí bán hàng	25		707.215	693.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	23.277.189	24.411.968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		61.281.535	79.215.043
11. Thu nhập khác	31		1.883.597	1.609.663
12. Chi phí khác	32		741.233	539.469
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.142.364	1.070.194
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		62.423.899	80.285.237
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	12.528.320	14.513.915
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(3.194)	(38.817)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		49.898.773	65.810.139
Phân bổ cho:				
- Cổ đông của Công ty mẹ	61		46.977.157	63.083.252
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62	25	515.478	184.253
- Lợi ích của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh	63	14	2.406.138	2.542.634
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	<u>0.115</u>	<u>0.155</u>



Ngày 26 tháng 8 năm 2015

[Handwritten signature]

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
 Đơn vị tính: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.423.899	80.285.237
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.370.611	25.206.656
Các khoản dự phòng	03	9.060.262	3.891.544
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.431.381	1.327.688
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.006.993)	(9.867.030)
Chi phí lãi vay	06	3.813.517	3.760.886
Các khoản điều chỉnh khác	07	6.104.722	7.861.928
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	109.197.399	112.466.909
Giảm/tăng các khoản phải thu	09	21.913.397	(47.586.976)
Giảm/tăng hàng tồn kho	10	9.132.532	(4.028.602)
Giảm/tăng các khoản phải trả	11	(53.075.970)	30.457.170
Tăng chi phí trả trước	12	(3.310.344)	(1.381.262)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.858.988)	(4.016.537)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.787.701)	(9.846.865)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.761.960)	(6.683.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.448.365	69.380.646
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(160.102.921)	(4.791.597)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	232.686	362
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.191.919)	(7.054.382)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	467.727	522.565
5. Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25	-	(20.099.342)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	299.847
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.861.029	7.292.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(171.733.398)	(23.829.739)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.885.850	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(949.244)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	141.483.356	8.015.857
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.764.406)	(49.166.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	110.655.556	(41.150.681)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	370.523	4.400.226
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	151.002.271	123.484.358
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(139.666)	32.640
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	151.233.128	127.917.224



Đào Thị Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2015

Hồ Ngọc Yên Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Công ty mẹ”), 7 công ty con và 6 công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 10 ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, mã số doanh nghiệp số 0302495126. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petrovietnam”).

Công ty mẹ có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 455 người và 2.066 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 457 người và 2.072 người).

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Offshore bao gồm chế tạo, sửa chữa, kiểm định, bảo dưỡng vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí; cung ứng lao động có chuyên môn khoan, khai thác dầu khí cho các nhà thầu hoạt động trong và ngoài nước; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu cho các phương tiện và hoạt động có rủi ro gây tràn dầu.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Well bao gồm cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cung cấp vật tư thiết bị chuyên ngành phục vụ công tác dịch vụ giếng khoan.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Logging bao gồm cung cấp dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan dầu khí, thử giếng khoan dầu khí, thử vỉa, bơm trám xi măng, cung ứng nhân lực, vật tư, thiết bị cho các dịch vụ có liên quan.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tech bao gồm cung cấp vật tư thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác, thực hiện các dịch vụ lắp đặt, kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng giàn khoan, giàn sửa giếng, giàn khai thác dầu khí.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Training bao gồm đào tạo, giới thiệu và cung ứng nhân lực ngành dầu khí trong và ngoài nước, cho thuê nhà và văn phòng, kho bãi.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Deepwater bao gồm dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; cung ứng vật tư thiết bị, máy móc ngành dầu khí và các ngành nghề khác có liên quan; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm tự nhiên và khoa học kỹ thuật; tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31_00 Suntec Tower 2, Singapore. Hoạt động chính của PVD Overseas bao gồm đầu tư, cho thuê giàn khoan, cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	30/6/2015				31/12/2014			
	Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết %	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ đã góp của các bên (nguyên tệ)	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết %	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ đã góp của các bên (nguyên tệ)	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	6.748.980	100	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	6.748.980
PVD Well	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469
PVD Logging	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959
PVD Tech	100	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	10.324.805	100	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	10.324.805
PVD Training	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	1.096.066	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	1.096.066
PVD Deepwater	100	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	39.692.090	100	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	39.692.090
PVD Overseas	81,6	41.961.000 USD	66.698.050 USD	54.400.000	81,6	41.961.000 USD	51.141.000 USD	41.728.800
				<u>120.580.369</u>				<u>107.909.169</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con: Hoạt động của các công ty con trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Các công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ là 50%:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ - PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của BJ-PVD bao gồm cung cấp trọn gói toàn bộ các dịch vụ như bơm trám xi măng, kích vỉa, kéo thả ống mềm và bơm nitơ... cùng với các giải pháp kỹ thuật, dịch vụ phòng thí nghiệm và cung cấp hóa chất. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD-Baker Hughes bao gồm cung cấp dịch vụ khoan định hướng và khảo sát, dịch vụ đo trong khi khoan, dịch vụ lấy mẫu lõi, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ treo đầu ống chống lừng, dịch vụ cứu kẹt, dịch vụ chèo khoan, dịch vụ ép vỉa nhân tạo, dịch vụ hoàn thiện giếng thông minh và dịch vụ công nghệ khai thác mỏ. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tubulars bao gồm cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là "Vietubes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và các sửa đổi bổ sung. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Đường số 11, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Vietubes bao gồm ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí; gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại; gia công cơ khí chính xác chi tiết lớn trên máy tự động. Tổng vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận chuyển nhượng toàn bộ giá trị đầu tư của Vietubes từ PVD Tech. Theo đó, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Vietubes.

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là "PVD-Expro") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD - Expro bao gồm cung cấp các dịch vụ thử vỉa giếng khoan và cho thuê các thiết bị khai thác, cung ứng nhân lực nhằm cung ứng nhân lực cho chính các mảng dịch vụ đơn vị đang hoạt động với đội ngũ các kỹ sư, công nhân có tay nghề cao và kinh nghiệm làm việc từ các nhà thầu nước ngoài. Tổng vốn điều lệ của PVD-Expro là 6.371.352 Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là “PVD-OSI”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD - OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hoạt động chính của PVD - OSI bao gồm sản xuất, chế tạo ren, tiện các loại đầu nối ống chống và cấu kiện, phụ tùng thay thế phục vụ ngành khoan thăm dò và khai thác dầu khí; và cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các loại đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí. Tổng vốn điều lệ của PVD - OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng nào có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 41.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

10
HI
CƠ
NH
LI
ỆT
/TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

30-002
HÀNH
TY
NHỮU H
TTE
IAM
Ồ CHÍN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại từ khoản đầu tư vào công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua phần vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, lợi thế thương mại này không được khấu hao theo quy định của Thông tư 202.

Khi bán công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho mua ngoài bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

01/01/2015
 TRÁI
 D
 V

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí đi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty như trình bày tại phần chính sách kế toán cho "Lợi thế thương mại".

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 3 năm.

V200
II NH
ĐNG
NHIÊN
LỢI
T N
TP.P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (f) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (g) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (h) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và
- (i) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Đề lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ kế toán và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chi tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

TH
NH
TY
HUU
TE
M
CO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	210.486	223.834
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.238.707	46.123.939
Các khoản tương đương tiền	105.783.935	104.654.498
	<u><u>151.233.128</u></u>	<u><u>151.002.271</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/6/2015		31/12/2014	
	USD	USD	USD	USD
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	19.283.747	19.283.747	561.862	561.862

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đáo hạn trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2015 với lãi suất thay đổi hàng kỳ theo thông báo của các ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		
- Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông - bên liên quan	44.764.129	27.579.318
- Công ty Điều hành Dầu khí Cửu Long - bên liên quan	20.216.021	21.549.987
- Các khoản phải thu khách hàng khác	130.315.528	172.152.597
Trong đó: Phải thu các công ty liên doanh của Tổng Công ty		
<i>Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling</i>	340.632	475.564
<i>Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes</i>	1.453.031	1.761.857
<i>Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam</i>	5.656.070	2.714.646
<i>Công ty TNHH PV Drilling Expro International</i>	319.997	554.931
	195.295.678	221.281.903

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Phải thu lãi tiền gửi	339.045	298.167
Phải thu về lợi nhuận được chia	2.945.666	3.052.895
Phải thu người lao động	132.351	24.676
Ký cược, ký quỹ	308.176	363.735
Phải thu khác	4.442.372	2.031.757
	8.167.610	5.771.230

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	USD	USD	USD	USD
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	540.143	-	248.616	-
Nguyên liệu, vật liệu	42.210.279	(5.294.704)	36.928.182	(2.663.919)
Công cụ, dụng cụ	180.291	-	171.127	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.531.408	-	2.289.830	-
Hàng hoá	3.913.386	-	16.559.432	-
Hàng gửi đi bán	1.851.696	-	4.162.548	-
	51.227.203	(5.294.704)	60.359.735	(2.663.919)

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.630.785 Đô la Mỹ (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 0 Đô la Mỹ) do số lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển tăng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>USD</u>	Máy móc, thiết bị <u>USD</u>	Thiết bị văn phòng <u>USD</u>	Phương tiện vận tải <u>USD</u>	Tài sản khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	16.548.192	764.968.635	2.924.465	3.143.469	49.043	787.633.804
Tăng trong kỳ	28.551	4.498.139	253.851	-	-	4.780.541
Đầu tư XDCB hoàn thành	142.566	221.507.865	-	-	-	221.650.431
Thanh lý, nhượng bán	-	(80.572)	(61.639)	-	-	(142.211)
Giảm khác	-	(20.108)	(17.133)	-	-	(37.241)
Chênh lệch tỷ giá	(247.899)	(8.139.560)	(18.061)	(30.145)	(62)	(8.435.727)
Tại ngày 30/6/2015	<u>16.471.410</u>	<u>982.734.399</u>	<u>3.081.483</u>	<u>3.113.324</u>	<u>48.981</u>	<u>1.005.449.597</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	5.009.616	236.696.705	2.281.921	2.251.041	42.217	246.281.500
Khấu hao trong kỳ	454.006	29.119.557	124.868	166.504	5.639	29.870.574
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.162)	(61.267)	-	-	(111.429)
Giảm khác	-	(13.296)	(12.023)	-	-	(25.319)
Chênh lệch tỷ giá	(193.002)	(3.419.164)	(12.142)	(18.460)	(2)	(3.642.770)
Tại ngày 30/6/2015	<u>5.270.620</u>	<u>262.333.640</u>	<u>2.321.357</u>	<u>2.399.085</u>	<u>47.854</u>	<u>272.372.556</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>11.200.790</u></u>	<u><u>720.400.759</u></u>	<u><u>760.126</u></u>	<u><u>714.239</u></u>	<u><u>1.127</u></u>	<u><u>733.077.041</u></u>
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>11.538.576</u></u>	<u><u>528.271.930</u></u>	<u><u>642.544</u></u>	<u><u>892.428</u></u>	<u><u>6.826</u></u>	<u><u>541.352.304</u></u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II, PV Drilling V, PV Drilling VI với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 497.579.895 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giàn PV Drilling II, giàn PV Drilling III, giàn PV Drilling V: 454.576.947 Đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị là 13.139.503 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 12.057.352 Đô la Mỹ).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong kỳ bao gồm 160.419 Đô la Mỹ là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 48.493 Đô la Mỹ).

Vào tháng 3 năm 2015, giàn khoan PV Drilling VI đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Nguyên giá của giàn khoan này được ghi nhận theo các chi phí tạm tính có liên quan đến việc xây dựng giàn khoan.

1091/12
CHI
CỘT
ÁCH NH
DELI
VIỆT
7 - TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	8.721.373	2.770.649	1.602.776	13.094.798
Tăng trong kỳ	-	264.317	-	264.317
Chênh lệch tỷ giá	(63.733)	(5.008)	-	(68.741)
Tại ngày 30/6/2015	<u>8.657.640</u>	<u>3.029.958</u>	<u>1.602.776</u>	<u>13.290.374</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	745.081	1.612.992	1.309.788	3.667.861
Khấu hao trong kỳ	82.495	277.661	139.881	500.037
Chênh lệch tỷ giá	(1.453)	(3.131)	-	(4.584)
Tại ngày 30/6/2015	<u>826.123</u>	<u>1.887.522</u>	<u>1.449.669</u>	<u>4.163.314</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2015	<u>7.831.517</u>	<u>1.142.436</u>	<u>153.107</u>	<u>9.127.060</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.976.292</u>	<u>1.157.657</u>	<u>292.988</u>	<u>9.426.937</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị là 1.119.015 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.092.873 Đô la Mỹ).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2015 USD	31/12/2014 USD
Xây dựng cơ bản giàn PV Drilling VI	-	66.641.558
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	2.397.080	2.119.095
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	-	8.176
Các công trình xây dựng cơ bản khác	520.323	721.738
	<u>2.917.403</u>	<u>69.490.567</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá gốc khoản đầu tư	
				30/6/2015 USD	31/12/2014 USD
BJ-PVD	5.000.000	49	2.450.000	2.399.255	2.399.255
PVD-Expro	6.371.352	51	3.249.390	3.235.802	2.040.000
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	1.450.655	1.450.655
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	10.200.000	10.200.000
Vietubes	3.707.300	51	1.890.723	4.159.922	4.159.922
PVD-OSI	5.000.000	51	2.550.000	2.550.000	2.550.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu các khoản đầu tư tại các công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
BJ-PVD	3.042.503	4.153.375
PVD-Expro	3.285.463	5.067.518
PVD Tubulars	3.193.099	2.950.327
PVD-Baker Hughes	10.200.000	10.200.000
Vietubes	3.875.449	4.476.163
PVD-OSI	2.898.358	2.966.806
	<u>26.494.872</u>	<u>29.814.189</u>

Biến động giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2015	Lợi nhuận trong liên doanh	Lợi nhuận được chia	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 30/6/2015
	USD	USD	USD	USD	USD
BJ-PVD	4.153.375	550.359	(1.661.231)	-	3.042.503
PVD-Expro	5.067.518	558.596	(2.235.345)	(105.306)	3.285.463
PVD Tubulars	2.950.327	242.772	-	-	3.193.099
PVD-Baker Hughes	10.200.000	-	-	-	10.200.000
Vietubes	4.476.163	240.553	(720.415)	(120.852)	3.875.449
PVD-OSI	2.966.806	4.339	-	(72.787)	2.898.358
	<u>29.814.189</u>	<u>1.596.619</u>	<u>(4.616.991)</u>	<u>(298.945)</u>	<u>26.494.872</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và lợi nhuận để chia của năm 2014 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh. Vì vậy, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong công ty liên doanh này vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc kỳ kế toán do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh: Hoạt động của các công ty liên doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên doanh trong kỳ: Xem thuyết minh số 39.

14. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đồng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm (giàn khoan "TAD" hay giàn khoan "PV Drilling V") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ góp %
Phần vốn góp của Petrovietnam	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty	62,43
Phần vốn góp của MBBank	9,71
Phần vốn góp của OceanBank	<u>4,86</u>

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2015 USD	31/12/2014 USD
Tổng tài sản	183.607.868	187.095.859
<i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i>	<u>142.429.752</u>	<u>152.476.631</u>

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015 USD	31/12/2014 USD
Petrovietnam	14.491.854	14.491.854
MBBank	6.915.000	6.915.000
OceanBank	3.457.500	3.457.500
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(2.879.011)	(2.264.339)
	<u>21.985.343</u>	<u>22.600.015</u>

Tình hình hoạt động kinh doanh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 USD	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD
Doanh thu	36.257.708	37.993.735
Giá vốn	25.522.264	24.119.508
Chi phí quản lý	1.402.137	4.616.408
Chi phí tài chính	3.436.610	3.322.956
Doanh thu tài chính	300.209	392.245
Lợi nhuận khác	-	123.486
Lợi nhuận thuần	6.196.906	6.450.594
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	192.839	317.129
Lợi nhuận thuần phân phối cho các bên BCC	6.389.745	6.767.723
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	3.983.607	4.225.089
Các bên BCC khác:	2.406.138	2.542.634
<i>Petrovietnam</i>	1.473.014	1.556.576
<i>MBBank</i>	621.869	657.146
<i>OceanBank</i>	<u>311.255</u>	<u>328.912</u>

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ vốn góp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời là chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác, và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2014	(65.864)	60.961	(4.903)
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	420.244	(41.507)	378.737
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(142)	312	170
Tại ngày 31/12/2014	354.238	19.766	374.004
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	3.194	3.194
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(426)	1.267	841
Tại ngày 30/06/2015	353.812	24.227	378.039

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị USD	Số có khả năng trả nợ	Giá trị USD	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả				
<i>Oil States Industries (Asia) Pte. Ltd.</i>	13.541.628	13.541.628	13.273.715	13.273.715
<i>Shelf Drilling International Inc.</i>	6.796.106	6.796.106	23.031.713	23.031.713
<i>UMW Standard Drilling SDN BHD</i>	5.327.145	5.327.145	18.466.399	18.466.399
<i>Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam - bên liên quan</i>	8.819.996	8.819.996	1.795.189	1.795.189
<i>Các khoản phải trả người bán khác</i>	50.334.835	50.334.835	70.070.723	70.070.723
Các khoản phải trả người bán là các công ty liên doanh của Tổng Công ty				
<i>Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes</i>	1.313.778	1.313.778	1.640.754	1.640.754
<i>Công ty TNHH PV Drilling Expro International</i>	2.190.629	2.190.629	6.889.465	6.889.465
	88.324.117	88.324.117	135.167.958	135.167.958

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2015 USD	31/12/2014 USD
Thuế giá trị gia tăng	2.173.223	9.945.669
Thuế nhập khẩu	120	181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.457.279	7.272.252
Thuế thu nhập cá nhân	1.312.337	1.933.788
Các loại thuế khác	5.645.053	3.151.991
	15.588.012	22.303.881

311250
CHI NI
CÔNG
H NHIỆ
E LOI
IẾT A
TP.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	30/6/2015
	USD	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	9.945.669	18.575.590	26.291.834	(56.202)	2.173.223
Thuế nhập khẩu	181	1.425.827	1.425.883	(5)	120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.272.252	12.170.789	12.787.701	(198.061)	6.457.279
Thuế thu nhập cá nhân	1.933.788	11.228.486	11.839.139	(10.798)	1.312.337
Các loại thuế khác	3.151.991	22.555.003	20.045.716	(16.225)	5.645.053
	<u>22.303.881</u>	<u>65.955.695</u>	<u>72.390.273</u>	<u>(281.291)</u>	<u>15.588.012</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	41.665.232	38.476.978
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	20.285.825	19.486.904
Trích trước chi phí lãi vay	1.438.885	1.484.357
Các khoản khác	<u>5.315.099</u>	<u>5.611.390</u>
	<u>68.705.041</u>	<u>65.059.629</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	12.383.231	10.134.045
Các khoản phải trả khác	<u>1.542.495</u>	<u>1.833.822</u>
	<u>13.925.726</u>	<u>11.967.867</u>

20. VAY NGẮN HẠN

	30/6/2015			31/12/2014		
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
						Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.079.852	1.079.852	4.183.356	3.207.884	16.968	121.349
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	46.344.306	46.344.306	21.675.522	29.556.522	93.418	54.318.724
	<u>47.424.158</u>	<u>47.424.158</u>	<u>25.858.878</u>	<u>32.764.406</u>	<u>110.386</u>	<u>54.440.073</u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam ("PVcomBank")	-	121.349
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	1.079.852	-
	<u>1.079.852</u>	<u>121.349</u>

J-002-C
 ANH
 TY
 HUU HA
 ITE
 3/14
 CHIN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng vay. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

	Công ty	Hạn mức tín dụng	Đơn vị tiền tệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	PVD Tech	100.000.000.000	VND

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Dự phòng quỹ lương USD	Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định USD	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2015	4.876.309	13.404.228	-	18.280.537
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	4.618.537	2.237.408	53.351	6.909.296
Phân loại lại	-	-	455.195	455.195
Hoàn nhập dự phòng	(4.858.759)	(238.409)	-	(5.097.168)
Chênh lệch tỷ giá	(34.665)	(13.313)	(7.125)	(55.103)
Tại ngày 30/6/2015	4.601.422	15.389.914	501.421	20.492.757

Dự phòng quỹ lương được trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong vòng một năm tiếp theo theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan và các thiết bị phục vụ hoạt động khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng bảo hành sản phẩm là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng Tổng Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

22. VAY DÀI HẠN

	30/6/2015 USD	31/12/2014 USD
Các khoản vay dài hạn	307.147.936	199.943.517
Vay dài hạn đến hạn trả	(46.344.306)	(54.231.233)
	260.803.630	145.712.284

	30/6/2015			31/12/2014		
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	260.803.630	260.803.630	137.300.000	21.675.521	533.132	145.712.284

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

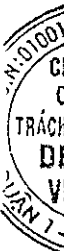
	30/6/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	149.692.703	14.247.073
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	70.888.277	82.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	-	5.750.000
MBBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	35.995.636	39.595.200
MBBank và OceanBank	12.801.153	14.081.267
Ngân hàng Standard Chartered ("SC Bank")	17.770.167	23.693.556
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Seabank")	20.000.000	20.000.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	188.144
	<u>307.147.936</u>	<u>199.943.517</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay của Tổng Công ty:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Mục đích tài trợ xây dựng</u>	<u>Lãi suất %</u>	<u>Hình thức đảm bảo</u>
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có
MBBank và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
SC Bank	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
MBBank và OceanBank	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
Vietcombank	Giàn PV Drilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
Vietcombank	Giàn PV Drilling VI	LIBOR 3 tháng + biên	Giàn PV Drilling VI tương ứng với tỷ lệ cho vay
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án
SEA Bank	Giàn PV Drilling VI	LIBOR 3 tháng + biên	Giàn PV Drilling VI tương ứng với tỷ lệ cho vay

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	46.344.306	54.231.233
Trong năm thứ hai	55.269.852	44.788.235
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	141.406.778	87.391.228
Sau năm năm	64.127.000	13.532.821
	<u>307.147.936</u>	<u>199.943.517</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	<u>(46.344.306)</u>	<u>(54.231.233)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>260.803.630</u>	<u>145.712.284</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định USD	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2015	7.334.895	-	7.334.895
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	4.149.691	121.345	4.271.036
Phân loại lại	-	166.909	166.909
Chênh lệch tỷ giá	(152.575)	(4.039)	(156.614)
Tại ngày 30/6/2015	<u>11.332.011</u>	<u>284.215</u>	<u>11.616.226</u>

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong tương lai theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng bảo hành sản phẩm là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng Tổng Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ/năm như sau:

	30/6/2015 USD	31/12/2014 USD
Số dư đầu kỳ/năm	40.989.411	26.239.612
Số quỹ được trích lập	6.454.839	15.017.217
Số quỹ đã sử dụng	(47.126)	(137.465)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	(55.929)	(108.258)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	(294.188)	(21.695)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>47.047.007</u>	<u>40.989.411</u>

Số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm giá trị còn lại của các tài sản cố định đã hình thành từ quỹ này là 589.927 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 664.475 Đô la Mỹ). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng là 46.457.080 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 40.324.936 Đô la Mỹ).

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 10, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 3.030.733.500.000 đồng, tương đương 161.095.191 Đô la Mỹ. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

2500
I NH
ONG
PHIÊN
LOI
ET N
TP.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	30/6/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Số cổ phần được duyệt	303.073.350	3.030.733.500.000	303.073.350	3.030.733.500.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	282.921.350	2.829.213.500.000	282.921.350	2.829.213.500.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	<u>303.073.350</u>	<u>3.030.733.500.000</u>	<u>303.073.350</u>	<u>3.030.733.500.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(416.000)	(4.160.000.000)	(36.450)	(364.500.000)
	<u>(416.000)</u>	<u>(4.160.000.000)</u>	<u>(36.450)</u>	<u>(364.500.000)</u>
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	282.505.350	2.825.053.500.000	282.884.900	2.828.849.000.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	<u>302.657.350</u>	<u>3.026.573.500.000</u>	<u>303.036.900</u>	<u>3.030.369.000.000</u>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là cổ phần phổ thông của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty là Petrovietnam hiện sở hữu 152.711.035 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 50,46% tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 50,39% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 so với tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

002
NH
TY
HUU
TE
AM
50

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

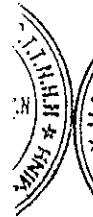
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 01/01/2014	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(8.268.443)	37.615.208	17.375.183	146.078.494	1.405.436	469.091.397
Cổ tức công bố	12.980.516	-	-	-	-	-	(38.933.624)	(151.837)	(26.104.945)
Tăng vốn trong năm	-	-	(17.257)	-	-	-	-	9.412.200	9.412.200
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(260.906)	(46.417)	(23.209)	152.706	(21.897)	(17.257)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	120.099.412	-	(199.723)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.190.725	2.219.339	(29.059.293)	(69.626)	120.099.412
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	(464.173)	464.173	(15.718.855)
Phân phối cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(5.236.972)	-	(5.236.972)
Phân phối cho các bên BCC	-	(629.308)	629.308	-	-	-	-	-	-
Thương cộ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(2.549)	(14.372)	-	(16.921)
Điều chỉnh giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	161.095.191	126.770.844	(17.257)	(8.529.349)	48.759.516	19.568.764	192.622.178	11.038.449	551.308.336
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	19.568.764	(19.568.764)	-	-	-
Tại ngày 01/01/2015	161.095.191	126.770.844	(17.257)	(8.529.349)	68.328.280	-	192.622.178	11.038.449	551.308.336
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	2.885.850	2.885.850
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(949.244)	-	-	-	-	(949.244)	(949.244)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.626.634)	-	-	(17.728)	(38.695)	(2.683.057)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	49.898.773	-	49.898.773
Phân phối quỹ	-	-	-	-	4.848.786	-	(11.700.205)	(44.188)	(6.895.607)
Phân phối cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(515.478)	515.478	-
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(2.406.138)	-	(2.406.138)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	44.199	41.148	85.347
Tại ngày 30/06/2015	161.095.191	126.770.844	(966.501)	(11.155.983)	73.177.066	-	227.925.601	14.398.042	591.244.260



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã mua lại 379.550 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Tổng Công ty không trích lập quỹ dự phòng tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2014 là 30% vốn điều lệ với 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu. Theo Thông báo số 510/PVD-TC ngày 28 tháng 7 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 17 tháng 7 năm 2015 cho mục đích chi trả cổ tức năm 2014 trong tháng 8 năm 2015.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria)	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con	Tổng
	USD	USD	USD
Tại ngày 01/01/2014	(216.391)	(8.052.052)	(8.268.443)
Phát sinh trong năm	(590.121)	329.215	(260.906)
Tại ngày 31/12/2014	(806.512)	(7.722.837)	(8.529.349)
Phát sinh trong kỳ	(1.053.693)	(1.572.941)	(2.626.634)
Tại ngày 30/6/2015	(1.860.205)	(9.295.778)	(11.155.983)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training và PVD Overseas.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại PVD Training và PVD Overseas tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được xác định như sau:

	PVD Training VND	PVD Overseas USD
Vốn điều lệ của công ty con	28.958.670.000	66.698.050
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	14.996.960.000	54.400.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	13.961.710.000	12.298.050
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	48,21%	18,44%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản thuần của PVD Training và PVD Overseas tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Tổng tài sản	237.683.971	80.909.594
Tổng nợ phải trả	(165.532.251)	(26.395.510)
Tài sản thuần	72.151.720	54.514.084
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	68.304.558	52.747.508
Thặng dư vốn cổ phần	16.506	16.506
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(402.813)	(322.557)
Các quỹ khác	569.153	544.037
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.664.316	1.528.590

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	14.398.042	11.038.449
Chi tiết như sau:		
<i>PVD Training</i>		
Vốn điều lệ	774.538	774.538
Thặng dư vốn cổ phần	7.249	7.249
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(199.760)	(161.066)
Các quỹ khác	274.404	262.295
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	915.741	743.233
<i>PVD Overseas</i>		
Vốn điều lệ	12.298.050	9.412.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	327.820	-

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	USD	USD
Lợi nhuận trong kỳ	2.167.149	382.169
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	515.478	184.253

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 37.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngoại tệ các loại**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đồng Việt Nam ("VND")	3.028.226.440.451	2.506.771.758.512
Euro ("EUR")	25.937	9.056
Bảng Anh ("GBP")	10.152	10.152
Đô la Singapore ("SGD")	38.711	17.493
Dinar Algeria ("DZD")	<u>24.092.462</u>	<u>57.432.042</u>

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đề phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

002-
:H
Y
JUHA
TE
A
CHIA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

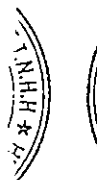
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Bảng cân đối kế toán****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	Dịch vụ khoan <u>USD</u>	Thương mại <u>USD</u>	Dịch vụ khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.051.881.931	58.843.451	96.303.587	1.207.028.969
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất				1.207.028.969
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	515.979.676	44.774.757	55.030.276	615.784.709
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất				615.784.709

Kết quả hoạt động kinh doanh**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	Dịch vụ khoan <u>USD</u>	Thương mại <u>USD</u>	Dịch vụ khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
Doanh thu gộp	229.441.039	42.407.620	111.409.144	383.257.802
Doanh thu thuần	229.441.039	42.407.620	111.409.143	383.257.802
Giá vốn hàng bán	175.187.203	39.535.771	79.374.067	294.097.041
Lợi nhuận gộp	54.253.836	2.871.849	32.035.076	89.160.761
Doanh thu hoạt động tài chính	3.054.068	366.030	891.635	4.311.733
Chi phí tài chính	8.426.389	589.751	787.034	9.803.174
Chi phí bán hàng	536.752	6.450	164.013	707.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.202.535	997.088	6.077.566	23.277.189
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.142.228	1.644.590	25.898.098	59.684.916
Thu nhập khác	614.274	132.278	1.137.045	1.883.597
Chi phí khác	78.048	(15.104)	678.289	741.233
Lợi nhuận khác	536.226	147.382	458.756	1.142.364
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	1.596.619
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	32.678.454	1.791.972	26.356.854	60.827.280
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				12.528.320
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(3.194)
Lợi nhuận sau thuế				49.898.773



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dịch vụ khoan <u>USD</u>	Thương mại <u>USD</u>	Dịch vụ khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
Tài sản				
Tài sản bộ phận	917.857.437	64.166.217	114.877.432	1.096.901.086
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất				1.096.901.086

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	433.072.021	50.275.355	62.245.374	545.592.750
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất				545.592.750

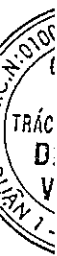
Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Dịch vụ khoan <u>USD</u>	Thương mại <u>USD</u>	Dịch vụ khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
Doanh thu gộp	285.883.329	38.063.387	148.134.427	472.081.143
Doanh thu thuần	285.883.329	38.063.387	148.134.427	472.081.143
Giá vốn hàng bán	222.443.989	36.435.031	112.427.324	371.306.344
Lợi nhuận gộp	63.439.340	1.628.356	35.707.103	100.774.799
Doanh thu hoạt động tài chính	1.319.549	133.398	1.714.753	3.167.700
Chi phí tài chính	7.286.855	279.753	289.451	7.856.060
Chi phí bán hàng	463.636	12.581	217.490	693.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.526.505	587.296	3.298.168	24.411.968
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.481.894	882.124	33.616.747	70.980.765
Thu nhập khác	965.748	21.157	622.759	1.609.663
Chi phí khác	123.210	21.914	394.345	539.469
Lợi nhuận khác	842.537	(757)	228.414	1.070.194
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	8.234.278
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	37.324.431	881.367	33.845.161	72.050.959
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				14.513.915
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(38.817)
Lợi nhuận sau thuế				65.810.139

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chủ yếu thực hiện hoạt động tại Việt Nam (PVD Overseas, công ty con đặt trụ sở ở Singapore, cũng chỉ thực hiện việc cho thuê giàn khoan ở vùng biển của Việt Nam). Đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 USD	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD
Doanh thu bán hàng hóa	42.407.620	38.063.387
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	229.441.039	285.883.329
Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	111.409.143	148.134.427
	<u>383.257.802</u>	<u>472.081.143</u>

Doanh thu với các bên liên quan: xem Thuyết minh số 39.

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 USD	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD
Giá vốn bán hàng hóa	39.535.771	36.435.031
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	175.187.203	222.443.989
Giá vốn cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	79.374.067	112.427.324
	<u>294.097.041</u>	<u>371.306.344</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 USD	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.434.968	35.613.762
Chi phí nhân công	72.341.085	85.445.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.314.682	25.206.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.695.783	191.621.805
Chi phí khác	10.896.835	22.088.931
Giá vốn thương mại	37.398.092	36.435.031
	<u>318.081.445</u>	<u>396.412.018</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 USD	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD
Lãi tiền gửi	2.177.688	2.258.362
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.134.045	909.338
	<u>4.311.733</u>	<u>3.167.700</u>

1250
T NH
ÔNG
NHÌEM
L017
T N/
P.H.C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí lãi vay	3.813.517	3.760.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.431.381	1.327.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.386.049	2.665.783
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	636.482
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(839.047)
Chi phí tài chính khác	172.227	304.268
	<u>9.803.174</u>	<u>7.856.060</u>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

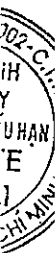
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí nhân công	8.877.930	8.490.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	786.860	654.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.215.277	3.217.591
Chi phí khác	9.397.122	12.049.328
	<u>23.277.189</u>	<u>24.411.968</u>

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.423.899	80.285.237
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.535.009)	(8.499.228)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.321.947	1.007.185
Thu nhập tính thuế	64.210.837	72.793.194
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12.532.829	14.512.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ quyết toán thuế của năm 2014	(4.509)	1.731
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>12.528.320</u>	<u>14.513.915</u>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho các hoạt động. Công ty được hưởng ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Đối với hoạt động sản xuất: PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
 - Đối với hoạt động dịch vụ: PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V (2011). PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ 2012 đến 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ 2016 đến 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 USD	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (trình bày lại) USD
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ	46.977.157	63.083.252
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	(6.895.607)	(9.008.196)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.081.550	54.075.056
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	348.313.878	348.195.679
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,115	0,155

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 do Tổng Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 202, Tổng Công ty đã phát hành thêm 27.549.224 cổ phần trong tháng 8 năm 2014 để thanh toán 10% cổ tức năm 2013 và 45.392.909 cổ phần vào ngày 25 tháng 8 năm 2015 để thanh toán 15% cổ tức năm 2014 như sau:

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu USD	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu USD
Số báo cáo trước đây	63.083.252	275.258.115	0,229
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi và phát hành cổ phần chi trả cổ tức	(9.008.196)	72.937.564	
Số liệu trình bày lại	54.075.056	348.195.679	0,155

36. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG***Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất*

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	<u>1.318.188</u>	<u>1.118.551</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	2.207.899	2.182.726
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.209.524	2.189.930
Sau năm năm	834.638	1.608.806
	<u>5.252.061</u>	<u>5.981.462</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

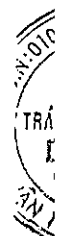
38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay	308.227.788	200.152.357
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	151.233.128	151.002.271
Nợ thuần	156.994.660	49.150.086
Vốn chủ sở hữu	591.244.260	551.308.336
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,27</u>	<u>0,09</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.233.128	151.002.271
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.927.732	226.397.943
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.283.747	561.862
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.094.595	1.210.275
	374.539.202	379.172.351
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	308.227.788	200.152.357
Phải trả người bán và phải trả khác	89.653.877	136.816.718
Chi phí phải trả	68.705.041	65.059.629
	466.586.706	402.028.704

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

123
111
0N
NHI
LC
T
7P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD	USD	USD
Đô la Mỹ (USD) (các công ty con)	147.213.978	169.649.176	77.970.375	66.478.833
Đồng Việt Nam (VND) (Công ty mẹ)	7.625.662	15.435.056	68.257.994	197.242.376
Dinar Algeria (DZD)	511.528	416.890	1.854.410	890.299
Đô la Singapore (SGD)	352.526	1.282.504	29.007	336.359
Euro (EUR)	654.754	248.827	26.483	66.191
Bạt Thái (THB)	2.499	4.538	-	-
Bảng Anh (GBP)	17.328	24.485	15.686	155.535
Đô la Úc (AUD)	5.615	4.058	-	2.460

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 2%) được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 2%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 3% (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 2%) thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	USD	USD
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	1.818.970	1.434.378
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	2.077.308	773.870
(Giảm)/tăng lợi nhuận hợp nhất	(258.338)	660.508

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 921.444 Đô la Mỹ (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 661.061 Đô la Mỹ).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

3-06
HÀNG
TY
HỮU
TTE
AM
OCY

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng USD
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.233.128	-	-	151.233.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.927.732	-	-	202.927.732
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.283.747	-	-	19.283.747
Các khoản ký quỹ, ký cược	308.175	786.420	-	1.094.595
	373.752.782	786.420	-	374.539.202
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	47.424.158	196.676.630	64.127.000	308.227.788
Phải trả người bán và phải trả khác	89.653.877	-	-	89.653.877
Chi phí phải trả	68.705.041	-	-	68.705.041
	205.783.076	196.676.630	64.127.000	466.586.706
Chênh lệch thanh khoản thuần	167.969.706	(195.890.210)	(64.127.000)	(92.047.504)
31/12/2014				
	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng USD
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.002.271	-	-	151.002.271
Phải thu khách hàng và phải thu khác	226.397.943	-	-	226.397.943
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	561.862	-	-	561.862
Các khoản ký quỹ, ký cược	363.735	846.540	-	1.210.275
	378.325.811	846.540	-	379.172.351
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	54.440.073	132.179.463	13.532.821	200.152.357
Phải trả người bán và phải trả khác	136.816.718	-	-	136.816.718
Chi phí phải trả	65.059.629	-	-	65.059.629
	256.316.420	132.179.463	13.532.821	402.028.704
Chênh lệch thanh khoản thuần	122.009.391	(131.332.923)	(13.532.821)	(22.856.353)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	Công ty cùng có vốn đầu tư từ Petrovietnam
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	Công ty liên doanh
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	Công ty cùng có vốn đầu tư từ Petrovietnam

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	11.412.319	14.681.693
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	190.561.742	287.388.836
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị giao dịch:</i>		
<i>Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)</i>	60.555.855	45.706.213
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	11.454.187	14.544.708
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	5.092.238	10.167.912
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	2.283.060	9.358.641
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	5.755.439	10.471.004
<i>Công ty TNHH PV Drilling Expro International (PVD Expro)</i>	3.902.344	6.412.315
Vay từ PVCombank		
Nhận nợ vay trong kỳ	90.864	404.357
Hoàn trả nợ gốc trong kỳ	90.864	-

010012
CHI
CỔ
RÁCH NH
DELO
VIỆT
1-TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	4.287.217	2.314.630
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	130.892.354	117.835.164
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i>		
<i>Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)</i>	44.764.129	27.579.318
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>9.804.482</u>	<u>2.326.069</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	23.311.850	22.845.506
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i>		
<i>Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam</i>	22.090.832	21.050.317
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	1.971.192	8.303.292
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	3.504.407	8.622.647
<i>Công ty TNHH PV Drilling Expro International (PVD Expro)</i>	<u>2.190.629</u>	<u>6.944.317</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lương	109.320	101.933
Tiền thưởng	16.119	31.445
Các khoản phúc lợi khác	4.184	4.276
	<u>129.623</u>	<u>137.654</u>

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 391.138 Đô la Mỹ (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 922.278 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm, xây dựng trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ đã bao gồm 410.342 Đô la Mỹ (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 853.100 Đô la Mỹ) là tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm trước đã được thanh toán trong kỳ này.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 3.284.711 Đô la Mỹ (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 7.226.923 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm số tiền 3.351.062 Đô la Mỹ (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 5.566.769 Đô la Mỹ) là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong kỳ này.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202, cụ thể như sau:

500-002
NHÀNH
G TY
EM HUU HA
JTTE
NAM
HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Số đã báo cáo USD	Phân loại lại USD	Số sau phân loại lại USD
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.597.373	1.173.857	5.771.230
2. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	11.793	11.793
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	1.185.650	(1.185.650)	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	-	846.540	846.540
5. Tài sản dài hạn khác	268	846.540	(846.540)	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	85.798.752	(20.739.123)	65.059.629
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.876.309	13.404.228	18.280.537
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	7.334.895	7.334.895
9. Quỹ đầu tư phát triển	418	48.759.516	19.568.764	68.328.280
10. Quỹ dự phòng tài chính	418	19.568.764	(19.568.764)	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Số đã báo cáo USD	Phân loại lại USD	Số sau phân loại lại USD
1. Các khoản dự phòng	03	(832.036)	4.723.580	3.891.544
2. Các khoản điều chỉnh khác	07	-	7.861.928	7.861.928
3. Giảm/(tăng) các khoản phải trả	11	42.966.380	(12.509.210)	30.457.170
4. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.606.893)	(76.298)	(6.683.191)

42. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.



Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Phuong
 Hồ Ngọc Yên Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

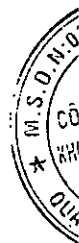


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI	7 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách trung thực hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Số: 123 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo được quy đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đô la Mỹ (chúng tôi đã phát hành báo cáo kết quả soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất bằng Đô la Mỹ vào ngày 26 tháng 8 năm 2015) sang đồng Việt Nam (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi”) của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 44. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với các quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi đến Thuyết minh 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi mô tả cơ sở của việc quy đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính quy đổi này được lập để giúp Tổng Công ty đáp ứng yêu cầu của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1808-2013-001-1

1250
HI M
ÔNG
NHIE
LO
ET I
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.415.466.600.760	9.452.329.338.024
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.293.857.527.840	3.208.194.249.666
1. Tiền	111		989.883.423.540	984.704.785.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.303.974.104.300	2.223.489.464.508
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		420.000.000.000	11.937.320.052
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	420.000.000.000	11.937.320.052
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.546.410.178.620	4.934.377.508.628
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.253.539.866.840	4.701.355.311.138
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		119.686.675.680	116.348.343.762
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	177.890.555.460	122.615.552.580
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.952.358.180)	(6.192.252.930)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		245.438.820	250.554.078
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.000.409.828.220	1.225.805.306.736
1. Hàng tồn kho	141		1.115.728.481.340	1.282.402.929.810
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(115.318.653.120)	(56.597.623.074)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		154.789.066.080	72.014.952.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79.427.761.380	34.004.477.952
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		75.361.304.700	38.010.474.990
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.873.624.344.060	13.852.431.135.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.128.227.600	17.985.588.840
1. Phải thu dài hạn khác	216		17.128.227.600	17.985.588.840
II. Tài sản cố định	220		16.165.205.319.780	11.701.855.754.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.966.417.952.980	11.501.571.050.784
- Nguyên giá	222		21.898.692.222.660	16.734.067.799.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.932.274.269.680)	(5.232.496.749.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	198.787.366.800	200.284.703.502
- Nguyên giá	228		289.464.345.720	278.212.078.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(90.676.978.920)	(77.927.374.806)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.541.037.340	1.476.396.586.482
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	63.541.037.340	1.476.396.586.482
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		577.058.312.160	633.432.259.494
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	577.058.312.160	633.432.259.494
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.691.447.180	22.760.946.030
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		41.677.358.580	13.799.829.396
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	8.233.689.420	7.946.088.984
3. Lợi thế thương mại	269		780.399.180	1.015.027.650
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.289.090.944.820	23.304.760.473.156

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.411.790.962.020	11.591.663.566.500
I. Nợ ngắn hạn	310		5.974.961.915.340	6.989.002.256.670
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.923.699.268.260	2.871.778.435.668
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.721.830.720	25.643.475.834
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	339.506.901.360	473.868.255.726
4. Phải trả người lao động	314		203.756.822.280	243.149.783.262
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.496.395.792.980	1.382.256.877.426
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	303.302.312.280	254.269.302.282
7. Vay ngắn hạn	320	20	1.032.898.161.240	1.156.633.790.958
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	446.332.247.460	388.388.289.410
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		222.348.578.760	193.014.046.104
II. Nợ dài hạn	330		7.436.829.046.680	4.602.661.309.830
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	478.840.770.540	480.159.918.690
2. Vay dài hạn	338	22	5.680.303.061.400	3.095.803.185.864
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	253.001.402.280	155.837.179.170
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	1.024.683.812.460	870.861.026.106
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.877.299.982.800	11.713.096.906.656
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	12.877.299.982.800	11.713.096.906.656
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.030.733.500.000	3.030.733.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.030.733.500.000	3.030.733.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.434.086.374.663
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.948.559.850)	(364.500.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.032.828.492.346	785.024.506.240
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.460.314.374.753	1.355.900.612.660
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.633.417.461.545	3.873.193.525.639
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.873.193.525.639	2.065.433.938.472
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm trước	421b		760.223.935.906	1.807.759.587.167
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		306.868.339.343	234.522.887.454
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.289.090.944.820	23.304.760.473.156



[Handwritten signature]

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

[Handwritten signature]

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.253.073.508.268	9.937.308.060.150
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	28	8.253.073.508.268	9.937.308.060.150
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	6.333.085.680.894	7.815.998.541.200
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.919.987.827.374	2.121.309.518.950
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	92.848.858.422	66.680.085.000
6. Chi phí tài chính	22	32	211.101.548.916	165.370.063.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		82.120.275.078	79.166.650.300
7. Phần lãi trong công ty liên doanh	24	13	34.381.593.546	173.331.551.900
8. Chi phí bán hàng	25		15.229.167.810	14.602.511.300
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	501.250.987.926	513.871.926.400
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.319.636.574.690	1.667.476.655.150
11. Thu nhập khác	31		40.561.377.798	33.883.406.150
12. Chi phí khác	32		15.961.711.422	11.355.822.450
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		24.599.666.376	22.527.583.700
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.344.236.241.066	1.690.004.238.850
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	269.784.842.880	305.517.910.750
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(68.779.596)	(817.097.850)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.074.520.177.782	1.385.303.425.950
Phân bổ cho:				
- Cổ đông của Công ty mẹ	61		1.011.606.091.991	1.327.902.463.279
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62	25	11.100.303.252	3.878.525.650
- Lợi ích của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh	63	14	51.813.782.539	53.522.437.021
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.478	3.269

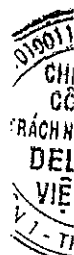


Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.344.236.241.066	1.690.004.238.850
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		654.000.737.274	530.600.108.800
Các khoản dự phòng	03		195.103.681.908	81.917.001.200
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.823.358.454	27.947.832.400
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(86.286.587.262)	(207.700.981.500)
Chi phí lãi vay	06		82.120.275.078	79.166.650.300
Các khoản điều chỉnh khác	07		131.459.083.548	165.493.585.959
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		2.351.456.790.066	2.367.428.436.009
Giảm/tăng các khoản phải thu	09		471.883.090.998	(1.001.705.844.800)
Giảm/tăng hàng tồn kho	10		196.659.944.088	(84.802.072.100)
Giảm/tăng các khoản phải trả	11		(1.142.937.937.980)	641.719.404.050
Tăng chi phí trả trước	12		(71.284.947.696)	(29.075.565.100)
Tiền lãi vay đã trả	14		(83.099.447.592)	(84.196.253.176)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(275.370.353.334)	(208.461.957.980)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(124.078.046.640)	(140.681.166.238)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		1.323.229.091.910	1.460.224.980.665
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(3.447.656.300.814)	(100.625.489.220)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		5.010.660.324	7.611.049
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(413.278.783.746)	(148.494.741.100)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	10.999.993.250
5. Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25		-	(423.091.153.759)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.311.781.400
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		147.745.398.486	153.513.611.665
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(3.698.179.025.750)	(501.378.386.715)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		62.143.893.900	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(20.584.059.850)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.046.702.588.104	168.733.789.850
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(705.548.718.804)	(1.034.955.616.952)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		2.382.713.703.350	(866.221.827.102)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		7.763.769.510	92.624.766.848
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.208.194.249.666	2.597.616.954.888
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.007.567.644)	693.469.440
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62		80.907.076.308	26.413.216.567
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61+62)</i>	70		3.293.857.527.840	2.717.348.407.743



Phạm Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Công ty mẹ”), 7 công ty con và 6 công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 10 ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, mã số doanh nghiệp số 0302495126. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petrovietnam”).

Công ty mẹ có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

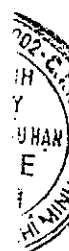
- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 455 người và 2.066 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 457 người và 2.072 người).

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Offshore bao gồm chế tạo, sửa chữa, kiểm định, bảo dưỡng vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí; cung ứng lao động có chuyên môn khoan, khai thác dầu khí cho các nhà thầu hoạt động trong và ngoài nước; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu cho các phương tiện và hoạt động có rủi ro gây tràn dầu.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Well bao gồm cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cung cấp vật tư thiết bị chuyên ngành phục vụ công tác dịch vụ giếng khoan.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Logging bao gồm cung cấp dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan dầu khí, thử giếng khoan dầu khí, thử vỉa, bơm trám xi măng, cung ứng nhân lực, vật tư, thiết bị cho các dịch vụ có liên quan.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tech bao gồm cung cấp vật tư thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác, thực hiện các dịch vụ lắp đặt, kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng giàn khoan, giàn sửa giếng, giàn khai thác dầu khí.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cừ Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Training bao gồm đào tạo, giới thiệu và cung ứng nhân lực ngành dầu khí trong và ngoài nước, cho thuê nhà và văn phòng, kho bãi.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Deepwater bao gồm dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; cung ứng vật tư thiết bị, máy móc ngành dầu khí và các ngành nghề khác có liên quan; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm tự nhiên và khoa học kỹ thuật; tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31_00 Suntec Tower 2, Singapore. Hoạt động chính của PVD Overseas bao gồm đầu tư, cho thuê giàn khoan, cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	30/6/2015				31/12/2014			
	Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp của các bên	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp của các bên	Giá trị khoản đầu tư
	%	(nguyên tệ)	(nguyên tệ)	USD	%	(nguyên tệ)	(nguyên tệ)	USD
PVD Offshore	100	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	6.748.980	100	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	6.748.980
PVD Well	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469
PVD Logging	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959
PVD Tech	100	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	10.324.805	100	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	10.324.805
PVD Training	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	1.096.066	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	1.096.066
PVD Deepwater	100	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	39.692.090	100	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	39.692.090
PVD Overseas	81,6	41.961.000 USD	66.698.050 USD	54.400.000	81,6	41.961.000 USD	51.141.000 USD	41.728.800
				<u>120.580.369</u>				<u>107.909.169</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con: Hoạt động của các công ty con trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi.

Các công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ là 50%:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ - PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của BJ-PVD bao gồm cung cấp trọn gói toàn bộ các dịch vụ như bơm trám xi măng, kích via, kéo thả ống mềm và bơm nitơ... cùng với các giải pháp kỹ thuật, dịch vụ phòng thí nghiệm và cung cấp hóa chất. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD-Baker Hughes bao gồm cung cấp dịch vụ khoan định hướng và khảo sát, dịch vụ đo trong khi khoan, dịch vụ lấy mẫu lõi, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ treo đầu ống chống lừng, dịch vụ cứu kẹt, dịch vụ choong khoan, dịch vụ ép via nhân tạo, dịch vụ hoàn thiện giếng thông minh và dịch vụ công nghệ khai thác mỏ. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tubulars bao gồm cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là "Vietubes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và các sửa đổi bổ sung. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Đường số 11, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Vietubes bao gồm ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí; gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại; gia công cơ khí chính xác chi tiết lớn trên máy tự động. Tổng vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận chuyển nhượng toàn bộ giá trị đầu tư của Vietubes từ PVD Tech. Theo đó, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Vietubes.

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là "PVD-Expro") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD - Expro bao gồm cung cấp các dịch vụ thử via giếng khoan và cho thuê các thiết bị khai thác, cung ứng nhân lực nhằm cung ứng nhân lực cho chính các mảng dịch vụ đơn vị đang hoạt động với đội ngũ các kỹ sư, công nhân có tay nghề cao và kinh nghiệm làm việc từ các nhà thầu nước ngoài. Tổng vốn điều lệ của PVD-Expro là 6.371.352 Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là "PVD-OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD - OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hoạt động chính của PVD - OSI bao gồm sản xuất, chế tạo ren, tiện các loại đầu nối ống chống và cấu kiện, phụ tùng thay thế phục vụ ngành khoan thăm dò và khai thác dầu khí; và cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các loại đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí. Tổng vốn điều lệ của PVD - OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng nào có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quy đổi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 41.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Tổng Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);

2500
NH/
NG
HỆNH
DIT
INA
HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn hoặc mua lại cổ phiếu quỹ;
- Chênh lệch tỷ giá được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán vì tỷ giá này xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

202
/H
Y
/H
/H
/H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại từ khoản đầu tư vào công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua phần vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, lợi thế thương mại này không được khấu hao theo quy định của Thông tư 202.

Khi bán công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

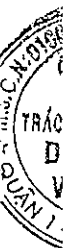
Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho mua ngoài bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí đi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

1250
H NH
ONG
NHIM
LOI
TN
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty như trình bày tại phần chính sách kế toán cho "Lợi thế thương mại".

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (f) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (g) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (h) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và
- (i) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.



002
NH
Y
JUH
TE
M
CHIT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Đề lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chi tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	4.584.385.080	4.755.577.164
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	985.299.038.460	979.949.207.994
Các khoản tương đương tiền	2.303.974.104.300	2.223.489.464.508
	<u>3.293.857.527.840</u>	<u>3.208.194.249.666</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/6/2015		31/12/2014	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>420.000.000.000</u>	<u>420.000.000.000</u>	<u>11.937.320.052</u>	<u>11.937.320.052</u>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đáo hạn trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2015 với lãi suất thay đổi hàng kỳ theo thông báo của các ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		
- Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông - bên liên quan	974.962.731.850	585.950.190.228
- Công ty Điều hành Dầu khí Cửu Long - bên liên quan	440.304.933.191	457.851.023.802
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.838.272.201.799	3.657.554.097.108
Trong đó: Phải thu các công ty liên doanh của Tổng Công ty		
<i>Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling</i>	7.418.964.960	10.103.832.744
<i>Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes</i>	31.647.015.180	37.432.413.822
<i>Công ty TNHH Cản ống Khoan Dầu khí Việt Nam</i>	123.189.204.600	57.675.368.916
<i>Công ty TNHH PV Drilling Expro International</i>	6.969.534.660	11.790.064.026
	<u>4.253.539.866.840</u>	<u>4.701.355.311.138</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi tiền gửi	7.384.400.100	6.334.856.082
Phải thu về lợi nhuận được chia	64.156.605.480	64.861.807.170
Phải thu người lao động	2.882.604.780	524.266.296
Ký cược, ký quỹ	6.712.073.280	7.727.913.810
Phải thu khác	96.754.871.820	43.166.709.222
	<u>177.890.555.460</u>	<u>122.615.552.580</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND Giá gốc	VND Dự phòng	VND Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	11.764.314.540	-	5.282.095.536	-
Nguyên liệu, vật liệu	919.339.876.620	(115.318.653.120)	784.576.154.772	(56.597.623.074)
Công cụ, dụng cụ	3.926.737.980	-	3.635.764.242	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.134.066.240	-	48.649.728.180	-
Hàng hoá	85.233.547.080	-	351.821.692.272	-
Hàng gửi đi bán	40.329.938.880	-	88.437.494.808	-
	1.115.728.481.340	(115.318.653.120)	1.282.402.929.810	(56.597.623.074)

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 58.721.030.046 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 0 đồng) do số lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển tăng thêm.

1280
 II NH
 ÔNG
 NHÌM
 LỢI
 T N.
 P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ
 Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quý đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý đổi kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	351.582.887.232	16.252.523.619.210	62.133.183.390	66.786.142.374	1.041.967.578	16.734.067.799.784
Tăng trong kỳ	614.817.234	96.862.925.226	5.466.427.434	-	-	102.944.169.894
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.070.016.244	4.769.950.364.910	-	-	-	4.773.020.381.154
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.735.037.448)	(1.327.334.226)	-	-	(3.062.371.674)
Giảm khác	-	(433.005.672)	(368.942.022)	-	-	(801.947.694)
Chênh lệch tỷ giá	3.479.589.090	286.786.343.994	1.211.365.164	1.022.054.346	24.838.602	292.524.191.196
Tại ngày 30/6/2015	358.747.309.800	21.403.955.210.220	67.114.699.740	67.808.196.720	1.066.806.180	21.898.692.222.660

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	106.434.301.536	5.028.858.194.430	48.481.693.566	47.825.617.086	896.942.382	5.232.496.749.000
Khấu hao trong kỳ	9.776.565.204	627.060.538.285	2.688.907.512	3.585.499.289	121.430.226	643.232.940.516
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.080.188.508)	(1.319.323.578)	-	-	(2.399.512.086)
Giảm khác	-	(286.316.064)	(258.903.282)	-	-	(545.219.346)
Chênh lệch tỷ giá	(1.416.763.140)	59.074.448.879	966.781.242	840.957.103	23.887.512	59.489.311.596
Tại ngày 30/6/2015	114.794.103.600	5.713.626.677.022	50.559.155.460	52.252.073.478	1.042.260.120	5.932.274.269.680

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2015	243.953.206.200	15.690.328.533.198	16.555.544.280	15.556.123.242	24.546.060	15.966.417.952.980
Tại ngày 31/12/2014	245.148.585.696	11.223.665.424.780	13.651.489.824	18.960.525.288	145.025.196	11.501.571.050.784

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II, PV Drilling V, PV Drilling VI với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 10.837.290.113.100 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giàn PV Drilling II, giàn PV Drilling III, giàn PV Drilling V: 9.657.941.815.962 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị là 286.178.375.340 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 279.905.958.150 đồng).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong kỳ bao gồm 3.454.462.746 đồng là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 1.020.777.650 đồng).

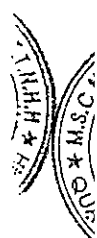
Vào tháng 3 năm 2015, giàn khoan PV Drilling VI đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Nguyên giá của giàn khoan này được ghi nhận theo các chi phí tạm tính có liên quan đến việc xây dựng giàn khoan.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	185.294.290.758	58.865.208.654	34.052.578.896	278.212.078.308
Tăng trong kỳ	-	5.691.802.278	-	5.691.802.278
Chênh lệch tỷ giá	3.269.108.442	1.435.474.308	855.882.384	5.560.465.134
Tại ngày 30/6/2015	<u>188.563.399.200</u>	<u>65.992.485.240</u>	<u>34.908.461.280</u>	<u>289.464.345.720</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	15.829.988.189	34.269.626.982	27.827.759.635	77.927.374.806
Khấu hao trong kỳ	1.776.447.330	5.979.151.974	3.012.197.454	10.767.796.758
Chênh lệch tỷ giá	386.523.421	861.450.204	733.833.731	1.981.807.356
Tại ngày 30/6/2015	<u>17.992.958.940</u>	<u>41.110.229.160</u>	<u>31.573.790.820</u>	<u>90.676.978.920</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2015	<u>170.570.440.260</u>	<u>24.882.256.080</u>	<u>3.334.670.460</u>	<u>198.787.366.800</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>169.464.302.569</u>	<u>24.595.581.672</u>	<u>6.224.819.261</u>	<u>200.284.703.502</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị là 24.372.156.501 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 23.219.179.758 đồng).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản giàn PV Drilling VI	-	1.415.866.541.268
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	52.208.402.400	45.022.292.370
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	-	173.707.296
Các công trình xây dựng cơ bản khác	11.332.634.940	15.334.045.548
	<u>63.541.037.340</u>	<u>1.476.396.586.482</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	Vốn điều lệ	Giá gốc khoản đầu tư	
	đăng ký	sở hữu	đã góp	30/6/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>%</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BJ-PVD	5.000.000	49	2.450.000	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD-Expro	6.371.352	51	3.249.390	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	30.515.952.000	30.548.750.000
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	211.753.000.000	211.753.000.000
Vietubes	3.707.300	51	1.890.723	86.637.631.068	86.637.631.068
PVD-OSI	5.000.000	51	2.550.000	53.111.400.000	53.111.400.000

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu các khoản đầu tư tại các công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BJ-PVD	66.265.715.340	88.242.605.250
PVD-Expro	71.557.384.140	107.664.487.428
PVD Tubulars	69.545.696.220	62.682.647.442
PVD-Baker Hughes	222.156.000.000	216.709.200.000
Vietubes	84.407.279.220	95.100.559.098
PVD-OSI	63.126.237.240	63.032.760.276
	<u>577.058.312.160</u>	<u>633.432.259.494</u>

Biến động giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong kỳ như sau:

	Tại ngày	Lợi nhuận	Lợi nhuận	Chênh lệch tỷ	Tại ngày
	01/01/2015	trong liên doanh	được chia	giá do quy đổi	30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BJ-PVD	88.242.605.250	11.851.430.706	(35.772.948.354)	1.944.627.738	66.265.715.340
PVD-Expro	107.664.487.428	12.028.806.264	(48.135.919.230)	9.678	71.557.384.140
PVD Tubulars	62.682.647.442	5.227.852.248	-	1.635.196.530	69.545.696.220
PVD-Baker Hughes	216.709.200.000	-	-	5.446.800.000	222.156.000.000
Vietubes	95.100.559.098	5.180.068.302	(15.513.416.610)	(359.931.570)	84.407.279.220
PVD-OSI	63.032.760.276	93.436.026	-	40.938	63.126.237.240
	<u>633.432.259.494</u>	<u>34.381.593.546</u>	<u>(99.422.284.194)</u>	<u>8.666.743.314</u>	<u>577.058.312.160</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và lợi nhuận để chia của năm 2014 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh. Vì vậy, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong công ty liên doanh này vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc kỳ kê toán do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh: Hoạt động của các công ty liên doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên doanh trong kỳ: Xem thuyết minh số 39.

14. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần (“TMCP”) Quân đội (gọi tắt là “MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là “OceanBank”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan “TAD” hay giàn khoan “PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ góp %
Phần vốn góp của Petrovietnam	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty	62,43
Phần vốn góp của MBBank	9,71
Phần vốn góp của OceanBank	<u>4,86</u>

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	3.998.979.365.040	3.975.038.627.418
<i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i>	<u>3.102.119.998.560</u>	<u>3.239.518.502.053</u>

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Petrovietnam	278.173.894.859	278.173.894.859
MBBank	133.229.238.748	133.229.238.748
OceanBank	68.756.768.760	68.756.768.760
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(1.319.131.827)	16.323
	<u>478.840.770.540</u>	<u>480.159.918.690</u>

Tình hình hoạt động kinh doanh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu	780.773.484.072	799.768.125.834
Giá vốn	549.596.435.268	507.715.643.881
Chi phí quản lý	30.193.615.690	97.175.381.602
Chi phí tài chính	74.003.956.547	69.948.228.820
Doanh thu tài chính	6.464.693.866	8.256.749.076
Lợi nhuận khác	-	2.599.384.363
Lợi nhuận thuần	133.444.179.930	135.785.004.970
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	4.152.590.009	6.675.568.352
Lợi nhuận thuần phân phối cho các bên BCC	137.596.769.939	142.460.573.322
Phân chia theo tỷ lệ vốn góp		
Tổng Công ty	85.782.987.400	88.938.136.301
Các bên BCC khác:	51.813.782.539	53.522.437.021
<i>Petrovietnam</i>	31.719.909.460	32.765.931.634
<i>MBBank</i>	13.391.318.298	13.832.921.572
<i>OceanBank</i>	6.702.554.781	6.923.583.815

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ vốn góp.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời là chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác, và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	(1.385.515.104)	1.282.375.596	(103.139.508)
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	8.887.737.879	(877.829.066)	8.009.908.813
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	23.916.215	15.403.465	39.319.680
Tại ngày 31/12/2014	7.526.138.989	419.949.995	7.946.088.984
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	68.779.596	68.779.596
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	179.886.371	38.934.469	218.820.840
Tại ngày 30/6/2015	7.706.025.360	527.664.060	8.233.689.420

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả				
<i>Oil States Industries (Asia) Pte. Ltd.</i>	294.936.666.461	294.936.666.461	282.013.341.974	282.013.341.974
<i>Shelf Drilling International Inc.</i>	148.019.178.226	148.019.178.226	489.331.770.361	489.331.770.361
<i>UMW Standard Drilling SDN BHD</i>	116.025.212.219	116.025.212.219	392.337.117.403	392.337.117.403
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam - bên liên quan	192.099.521.124	192.099.521.124	38.140.585.494	38.140.585.494
Các khoản phải trả người bán khác	1.096.292.703.529	1.096.292.703.529	1.488.722.573.375	1.488.722.573.375
Các khoản phải trả người bán là các công ty liên doanh của Tổng Công ty				
Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	28.614.086.268	28.614.086.268	34.859.468.868	34.859.468.868
Công ty TNHH PV Drilling Expro International	47.711.900.433	47.711.900.433	146.373.578.193	146.373.578.193
	1.923.699.268.260	1.923.699.268.260	2.871.778.435.668	2.871.778.435.668

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	47.332.796.940	211.305.683.574
Thuế nhập khẩu	2.613.600	3.845.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.639.536.620	154.506.265.992
Thuế thu nhập cá nhân	28.582.699.860	41.085.259.848
Các loại thuế khác	122.949.254.340	66.967.200.786
	339.506.901.360	473.868.255.726

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	211.305.683.574	400.006.755.060	566.168.353.356	2.188.711.662	47.332.796.940
Thuế nhập khẩu	3.845.526	30.703.758.618	30.704.964.522	(26.022)	2.613.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.506.265.992	262.085.770.326	275.370.353.334	(582.146.364)	140.639.536.620
Thuế thu nhập cá nhân	41.085.259.848	241.794.217.524	254.944.019.226	647.241.714	28.582.699.860
Các loại thuế khác	66.967.200.786	485.699.434.602	431.664.448.344	1.947.067.296	122.949.254.340
	473.868.255.726	1.420.289.936.130	1.558.852.138.782	4.200.848.286	339.506.901.360

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	907.468.752.960	817.481.874.280
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	441.825.268.500	414.018.762.384
Trích trước chi phí lãi vay	31.338.915.300	31.536.648.822
Các khoản khác	115.762.856.220	119.219.591.940
	<u>1.496.395.792.980</u>	<u>1.382.256.877.426</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	269.706.771.180	215.307.920.070
Các khoản phải trả khác	33.595.541.100	38.961.382.212
	<u>303.302.312.280</u>	<u>254.269.302.282</u>

20. VAY NGẮN HẠN

	30/6/2015			31/12/2014			
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Tăng	VND Giảm	VND Chênh lệch tỷ giá	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	23.519.176.560	23.519.176.560	91.113.493.680	(69.867.713.520)	(369.563.040)	2.578.180.854	2.578.180.854
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	1.009.378.984.680	1.009.378.984.680	472.092.869.160	(643.741.049.160)	(2.034.644.040)	1.154.055.610.104	1.154.055.610.104
	<u>1.032.898.161.240</u>	<u>1.032.898.161.240</u>	<u>563.206.362.840</u>	<u>(713.608.762.680)</u>	<u>(2.404.207.080)</u>	<u>1.156.633.790.958</u>	<u>1.156.633.790.958</u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam ("PVcomBank")	-	2.578.180.854
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	23.519.176.560	-
	<u>23.519.176.560</u>	<u>2.578.180.854</u>

Khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng vay. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

	<u>Công ty</u>	<u>Hạn mức tín dụng</u>	<u>Đơn vị tiền tệ</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	PVD Tech	100.000.000.000	VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Dự phòng quỹ lương VND	Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	103.602.055.902	284.786.233.508	-	388.388.289.410
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	99.455.586.447	48.180.343.872	1.148.860.434	148.784.790.753
Phân loại lại	-	-	9.802.169.130	9.802.169.130
Hoàn nhập dự phòng	(104.628.526.494)	(5.133.899.406)	-	(109.762.425.900)
Chênh lệch tỷ giá	1.789.855.305	7.359.648.946	(30.080.184)	9.119.424.067
Tại ngày 30/6/2015	<u>100.218.971.160</u>	<u>335.192.326.920</u>	<u>10.920.949.380</u>	<u>446.332.247.460</u>

Dự phòng quỹ lương được trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong vòng một năm tiếp theo theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan và các thiết bị phục vụ hoạt động khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng bảo hành sản phẩm là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng Tổng Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

22. VAY DÀI HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay dài hạn	6.689.682.046.080	4.247.999.962.182
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(1.009.378.984.680)</u>	<u>(1.152.196.776.318)</u>
	<u>5.680.303.061.400</u>	<u>3.095.803.185.864</u>

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
				Chênh lệch tỷ giá
Vay dài hạn	5.680.303.061.400	5.680.303.061.400	2.956.618.200.000	466.760.669.214
				838.878.993.678
				3.095.803.185.864
				3.095.803.185.864

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	3.260.307.076.482	304.452.423.851
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.543.946.673.060	1.750.421.333.142
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	-	122.164.500.000
MBBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	783.984.960.356	841.239.619.200
MBBank và OceanBank	278.809.107.331	301.057.510.695
Ngân hàng Standard Chartered ("SC Bank")	387.034.229.854	505.603.413.021
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	435.600.000.000	424.920.000.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(1.003)	(1.858.837.727)
	<u>6.689.682.046.080</u>	<u>4.247.999.962.182</u>

30/12
 CHỈ
 CỘP
 CH NH
 DEL
 VIỆT
 1 - TF

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Thông tin bổ sung cho các khoản vay của Tổng Công ty:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Mục đích tài trợ xây dựng</u>	<u>Lãi suất %</u>	<u>Hình thức đảm bảo</u>
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có
MBBank và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
SC Bank	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
MBBank và OceanBank	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
Vietcombank	Giàn PV Drilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC
Vietcombank	Giàn PV Drilling VI	LIBOR 3 tháng + biên	Giàn PV Drilling VI tương ứng với tỷ lệ cho vay
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án
SEA Bank	Giàn PV Drilling VI	LIBOR 3 tháng + biên	Giàn PV Drilling VI tương ứng với tỷ lệ cho vay

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.009.378.984.680	1.152.196.776.318
Trong năm thứ hai	1.203.777.376.560	951.570.840.810
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.079.839.624.840	1.933.190.366.832
Sau năm năm	<u>1.396.686.060.000</u>	<u>211.041.978.222</u>
	6.689.682.046.080	4.247.999.962.182
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	<u>(1.009.378.984.680)</u>	<u>(1.152.196.776.318)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.680.303.061.400</u>	<u>3.095.803.185.864</u>

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định <u>VND</u>	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2015	155.837.179.170	-	155.837.179.170
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	89.359.445.994	2.613.041.935	91.972.487.929
Phân loại lại	-	3.594.210.449	3.594.210.449
Chênh lệch tỷ giá	1.614.574.416	(17.049.684)	1.597.524.732
Tại ngày 30/6/2015	<u>246.811.199.580</u>	<u>6.190.202.700</u>	<u>253.001.402.280</u>

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong tương lai theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng bảo hành sản phẩm là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng Tổng Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

1-007
 BANH
 TY
 THUHH
 TTE
 NAM
 OCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ/năm như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	870.861.026.106	551.976.478.032
Số quỹ được trích lập	138.998.503.026	318.514.438.540
Số quỹ đã sử dụng	(1.020.500.000)	(622.340.135)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	(1.204.375.086)	(2.289.554.798)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	17.049.158.414	3.282.004.467
Số dư cuối kỳ/năm	<u>1.024.683.812.460</u>	<u>870.861.026.106</u>

Số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm giá trị còn lại của các tài sản cố định đã hình thành từ quỹ này là 12.848.609.689 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 14.052.984.775 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng là 1.011.835.202.771 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 856.808.041.331 đồng).

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 10, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 3.030.733.500.000 đồng, tương đương 161.095.191 Đô la Mỹ. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Số cổ phần được duyệt	303.073.350	3.030.733.500.000	303.073.350	3.030.733.500.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	282.921.350	2.829.213.500.000	282.921.350	2.829.213.500.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	303.073.350	3.030.733.500.000	303.073.350	3.030.733.500.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(416.000)	(4.160.000.000)	(36.450)	(364.500.000)
	(416.000)	(4.160.000.000)	(36.450)	(364.500.000)
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	282.505.350	2.825.053.500.000	282.884.900	2.828.849.000.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	302.657.350	3.026.573.500.000	303.036.900	3.030.369.000.000

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần phổ thông của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty là Petrovietnam hiện sở hữu 152.711.035 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 50,46% tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 50,39% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 so với tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

CP * M.S.C.N

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng VNĐ
Tại ngày 01/01/2014	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	683.185.976.226	735.587.990.807	338.229.607.392	2.891.864.978.472	29.564.751.696	9.867.806.639.256
Cổ tức công bố	275.446.550.000	-	-	-	-	-	(826.431.040.000)	(3.211.193.300)	(554.195.683.300)
Tặng vốn trong năm	-	-	(364.500.000)	-	-	-	-	199.971.601.200	199.971.601.200
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(564.500.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	101.838.530.014	(981.668.041)	(490.837.103)	3.229.579.469	(146.548.781)	103.449.055.558
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	2.539.982.464.388	-	2.539.982.464.388
Phân phối quỹ	-	-	-	-	236.672.637.933	46.936.790.473	(614.574.987.657)	(1.472.518.138)	(332.438.077.389)
Phân phối cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(9.816.794.777)	9.816.794.777	-
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(110.756.720.828)	-	(110.756.720.828)
Thương mại cổ phiếu quỹ	-	(11.963.553.191)	11.963.553.191	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh giám khác	-	-	-	-	(53.908.801)	-	(303.953.428)	-	(357.862.229)
Tại ngày 31/12/2014	3.030.733.500.000	2.434.086.374.663	(364.500.000)	785.024.506.240	971.278.960.699	384.621.651.961	3.873.193.525.639	234.522.887.454	11.713.096.906.656
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	384.621.651.961	(384.621.651.961)	-	-	-
Tại ngày 01/01/2015	3.030.733.500.000	2.434.086.374.663	(364.500.000)	785.024.506.240	1.355.900.612.660	-	3.873.193.525.639	234.522.887.454	11.713.096.906.656
Tặng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	62.143.893.900	62.143.893.900
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(20.584.059.850)	-	-	-	-	-	(20.584.059.850)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	247.803.986.106	-	-	(381.754.752)	(933.258.130)	246.588.973.234
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.074.520.177.782	-	1.074.520.177.782
Phân phối quỹ	-	-	-	-	104.413.762.093	-	(251.952.214.470)	(951.544.392)	(148.489.996.769)
Phân phối cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(11.100.303.252)	11.100.303.252	-
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(51.813.775.692)	-	(51.813.775.692)
Thương mại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	951.806.290	886.057.259	1.837.863.549
Điều chỉnh giám khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2015	3.030.733.500.000	2.434.086.374.663	(20.948.559.850)	1.032.828.492.346	1.460.314.374.753	-	4.633.417.461.545	306.868.339.343	12.877.299.982.800

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã mua lại 379.550 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Tổng Công ty không trích lập quỹ dự phòng tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2014 là 30% vốn điều lệ với 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu. Theo Thông báo số 510/PVD-TC ngày 28 tháng 7 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 17 tháng 7 năm 2015 cho mục đích chi trả cổ tức năm 2014 trong tháng 8 năm 2015.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VND	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và quy đổi từ VND sang USD VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	(7.344.997.676)	690.530.973.902	683.185.976.226
Phát sinh trong năm	(12.480.469.029)	114.318.999.043	101.838.530.014
Tại ngày 31/12/2014	(19.825.466.705)	804.849.972.945	785.024.506.240
Phát sinh trong kỳ	(22.690.225.062)	270.494.211.168	247.803.986.106
Tại ngày 30/6/2015	(42.515.691.767)	1.075.344.184.113	1.032.828.492.346

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training và PVD Overseas.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại PVD Training và PVD Overseas tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được xác định như sau:

	PVD Training VND	PVD Overseas USD
Vốn điều lệ của công ty con	28.958.670.000	66.698.050
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	14.996.960.000	54.400.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	13.961.710.000	12.298.050
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	48,21%	18,44%

Tài sản thuần của PVD Training và PVD Overseas tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	5.176.756.884.968	1.719.005.230.024
Tổng nợ phải trả	(3.605.439.891.526)	(560.799.003.138)
Tài sản thuần	1.571.316.993.442	1.158.206.226.886
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	1.481.642.199.000	1.115.500.356.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	312.482.400
Các quỹ khác	11.773.473.276	11.232.634.935
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	77.588.838.766	31.160.753.551

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	306.868.339.343	234.522.887.454
Chi tiết như sau:		
<i>PVD Training</i>		
Vốn điều lệ	13.961.710.000	13.961.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.655.698	150.655.698
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(833.258.730)	4.976.385.517
Các quỹ khác	5.676.290.367	3.953.158.872
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>18.738.171.027</u>	<u>11.509.376.167</u>
<i>PVD Overseas</i>		
Vốn điều lệ	262.115.495.100	199.971.601.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>7.059.275.880</u>	<u>-</u>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh:		
	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong kỳ	46.667.394.316	8.044.657.660
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	<u>11.100.303.252</u>	<u>3.878.525.650</u>

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 37.

Ngoại tệ các loại

	30/6/2015	31/12/2014
Đồng Việt Nam ("VND")	3.028.226.440.451	2.506.771.758.512
Euro ("EUR")	25.937	9.056
Bảng Anh ("GBP")	10.152	10.152
Đô la Singapore ("SGD")	38.711	17.493
Dinar Algeria ("DZD")	<u>24.092.462</u>	<u>57.432.042</u>

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Dịch vụ khoan <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tài sản				
Tài sản bộ phận	22.909.988.457.180	1.281.610.362.780	2.097.492.124.860	26.289.090.944.820
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất				26.289.090.944.820
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	11.238.037.343.280	975.194.207.460	1.198.559.411.280	13.411.790.962.020
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất				13.411.790.962.020

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Dịch vụ khoan <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Doanh thu gộp	4.940.783.333.826	913.205.689.080	2.399.084.485.362	8.253.073.508.268
Doanh thu thuần	4.940.783.333.826	913.205.689.080	2.399.084.485.362	8.253.073.508.268
Giá vốn hàng bán	3.772.481.229.402	851.363.292.714	1.709.241.158.778	6.333.085.680.894
Lợi nhuận gộp	1.168.302.104.424	61.842.396.366	689.843.326.584	1.919.987.827.374
Doanh thu hoạt động tài chính	65.766.300.312	7.882.090.020	19.200.468.090	92.848.858.422
Chi phí tài chính	181.453.860.726	12.699.698.034	16.947.990.156	211.101.548.916
Chi phí bán hàng	11.558.417.568	138.894.300	3.531.855.942	15.229.167.810
Chi phí quản lý doanh nghiệp	348.905.388.690	21.471.292.992	130.874.306.244	501.250.987.926
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	692.150.737.752	35.414.601.060	557.689.642.332	1.285.254.981.144
Thu nhập khác	13.227.776.316	2.848.474.452	24.485.127.030	40.561.377.798
Chi phí khác	1.680.685.632	(325.249.536)	14.606.275.326	15.961.711.422
Lợi nhuận khác	11.547.090.684	3.173.723.988	9.878.851.704	24.599.666.376
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	34.381.593.546
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	703.697.828.436	38.588.325.048	601.950.087.582	1.344.236.241.066
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				269.784.842.880
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(68.779.596)
Lợi nhuận sau thuế				1.074.520.177.782

572
PHÂN
M.S.C
QUẢN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dịch vụ khoan <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tài sản				
Tài sản bộ phận	19.500.799.108.627	1.363.275.446.382	2.440.685.918.147	23.304.760.473.156
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất				23.304.760.473.156
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	9.201.048.158.166	1.068.150.192.330	1.322.465.216.004	11.591.663.566.500
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất				11.591.663.566.500

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Dịch vụ khoan <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Doanh thu góp	6.017.844.075.450	801.234.296.350	3.118.229.688.350	9.937.308.060.150
Doanh thu thuần	6.017.844.075.450	801.234.296.350	3.118.229.688.350	9.937.308.060.150
Giá vốn hàng bán	4.682.445.968.450	766.957.402.550	2.366.595.170.200	7.815.998.541.200
Lợi nhuận góp	1.335.398.107.000	34.276.893.800	751.634.518.150	2.121.309.518.950
Doanh thu hoạt động tài chính	27.776.506.450	2.808.027.900	36.095.550.650	66.680.085.000
Chi phí tài chính	153.388.308.099	5.888.800.980	6.092.953.922	165.370.063.000
Chi phí bán hàng	9.759.527.569	264.830.019	4.578.153.711	14.602.511.300
Chi phí quản lý doanh nghiệp	432.082.919.108	12.362.580.770	69.426.426.523	513.871.926.400
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	767.943.868.700	18.568.710.200	707.632.524.350	1.494.145.103.250
Thu nhập khác	20.328.981.677	445.354.720	13.109.069.753	33.883.406.150
Chi phí khác	2.593.570.500	461.289.700	8.300.962.250	11.355.822.450
Lợi nhuận khác	17.735.403.850	(15.934.850)	4.808.114.700	22.527.583.700
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	173.331.551.900
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	785.679.273.238	18.552.775.311	885.772.190.301	1.690.004.238.850
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				305.517.910.750
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(817.097.850)
Lợi nhuận sau thuế				1.385.303.425.950

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chủ yếu thực hiện hoạt động tại Việt Nam (PVD Overseas, công ty con đặt trụ sở ở Singapore, cũng chỉ thực hiện việc cho thuê giàn khoan ở vùng biển của Việt Nam). Đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***28. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	913.205.689.080	801.234.296.350
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	4.940.783.333.826	6.017.844.075.450
Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	2.399.084.485.362	3.118.229.688.350
	8.253.073.508.268	9.937.308.060.150

Doanh thu với các bên liên quan: xem Thuyết minh số 39.

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa	851.363.292.714	766.957.402.550
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	3.772.481.229.402	4.682.445.968.450
Giá vốn cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	1.709.241.158.778	2.366.595.170.200
	6.333.085.680.894	7.815.998.541.200

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	396.978.600.912	749.669.690.100
Chi phí nhân công	1.557.792.924.390	1.798.634.784.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	652.796.362.188	530.600.108.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.202.014.991.122	4.033.638.995.250
Chi phí khác	234.652.444.890	464.971.997.550
Giá vốn thương mại	805.330.513.128	766.957.402.550
	6.849.565.836.630	8.344.472.978.900

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	46.894.333.392	47.538.520.100
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.954.525.030	19.141.564.900
	92.848.858.422	66.680.085.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Bảo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	82.120.275.078	79.166.650.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.823.358.454	27.947.832.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94.449.179.166	56.114.732.150
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	13.397.946.100
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(17.661.939.350)
Chi phí tài chính khác	3.708.736.218	6.404.841.400
	211.101.548.916	165.370.063.000

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

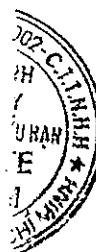
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân công	191.177.344.620	178.728.519.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.944.243.240	13.774.772.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.771.774.918	67.730.290.550
Chi phí khác	202.357.625.148	253.638.343.913
	501.250.987.926	513.871.926.400

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.344.236.241.066	1.690.004.238.850
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(33.054.877.780)	(178.908.749.400)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	71.534.806.698	21.201.244.250
Thu nhập tính thuế	1.382.716.169.984	1.532.296.733.700
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	269.881.930.484	305.481.473.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ quyết toán thuế của năm 2014	(97.087.604)	36.437.550
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	269.784.842.880	305.517.910.750

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho các hoạt động. Công ty được hưởng ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

- Đối với hoạt động sản xuất: PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
 - Đối với hoạt động dịch vụ: PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V (2011). PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ 2012 đến 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ 2016 đến 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (trình bày lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ	1.011.606.091.991	1.327.902.463.279
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	(148.489.996.769)	(189.622.534.479)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	863.116.095.222	1.138.279.928.800
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	348.313.878	348.195.679
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.478</u>	<u>3.269</u>

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 do Tổng Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC, Tổng Công ty đã phát hành thêm 27.549.224 cổ phần trong tháng 8 năm 2014 để thanh toán 10% cổ tức năm 2013 và 45.392.909 cổ phần vào ngày 25 tháng 8 năm 2015 để thanh toán 15% cổ tức năm 2014 như sau:

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu <u>VND</u>	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền <u>Cổ phiếu</u>	Lãi cơ bản trên cổ phiếu <u>VND</u>
Số báo cáo trước đây	1.327.902.463.279	275.258.115	4.824
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi và phát hành cổ phần chi trả cổ tức	(189.622.534.479)	72.937.564	
Số liệu trình bày lại	<u>1.138.279.928.800</u>	<u>348.195.679</u>	<u>3.269</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***36. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG*Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất*

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	28.385.860.392	23.545.498.550

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	48.088.040.220	46.374.196.596
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	48.123.432.720	46.527.252.780
Sau năm năm	18.178.415.640	34.180.692.276
	114.389.888.580	127.082.141.652

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	6.713.201.222.640	4.252.436.976.822
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(3.293.857.527.840)</u>	<u>(3.208.194.249.666)</u>
Nợ thuần	3.419.343.694.800	1.044.242.727.156
Vốn chủ sở hữu	<u>12.877.299.982.800</u>	<u>11.713.096.906.656</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,27</u>	<u>0,09</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.293.857.527.840	3.208.194.249.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.419.766.002.960	4.810.050.696.978
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	420.000.009.660	11.937.320.052
Các khoản ký quỹ, ký cược	23.840.279.100	25.713.502.650
	<u>8.157.463.819.560</u>	<u>8.055.895.769.346</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.713.201.222.640	4.252.436.976.822
Phải trả người bán và phải trả khác	1.952.661.441.060	2.906.807.990.628
Chi phí phải trả	1.496.395.792.980	1.382.256.877.426
	<u>10.162.258.456.680</u>	<u>8.541.501.844.876</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

0-1
iAA
T
HU
17
AP
30

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD) (các công ty con)	3.206.320.440.840	3.604.366.396.227	1.698.194.767.500	1.412.409.281.242
Đồng Việt Nam (VND) (Công ty mẹ)	166.086.918.360	327.933.209.810	1.486.659.109.320	4.190.611.515.762
Dinar Algeria (DZD)	11.141.079.840	8.857.252.341	40.389.049.800	18.915.301.840
Đô la Singapore (SGD)	7.678.016.280	27.248.088.835	631.772.460	7.146.287.047
Euro (EUR)	14.260.542.120	5.286.580.714	576.799.740	1.406.293.334
Bạt Thái (THB)	54.428.220	96.417.950	-	-
Bảng Anh (GBP)	377.403.840	520.209.879	341.641.080	3.304.497.931
Đô la Úc (AUD)	122.294.700	86.214.196	-	52.255.387

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 2%) được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 2%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 3% (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 2%) thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	39.169.699.980	30.193.656.900
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	44.732.750.472	16.289.963.500
(Giảm)/tăng lợi nhuận hợp nhất	(5.563.050.492)	13.903.693.400

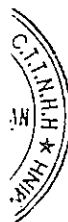
Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 19.842.375.096 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 13.915.334.050 đồng).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.293.857.527.840	-	-	3.293.857.527.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.419.766.002.960	-	-	4.419.766.002.960
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	420.000.009.660	-	-	420.000.009.660
Các khoản ký quỹ, ký cược	6.712.051.500	17.128.227.600	-	23.840.279.100
	8.140.335.591.960	17.128.227.600	-	8.157.463.819.560
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	1.032.898.161.240	4.283.617.001.400	1.396.686.060.000	6.713.201.222.640
Phải trả người bán và phải trả khác	1.952.661.441.060	-	-	1.952.661.441.060
Chi phí phải trả	1.496.395.792.980	-	-	1.496.395.792.980
	4.481.955.395.280	4.283.617.001.400	1.396.686.060.000	10.162.258.456.680
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.658.380.196.680	(4.266.488.773.800)	(1.396.686.060.000)	(2.004.794.637.120)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong đương tiền	3.208.194.249.666	-	-	3.208.194.249.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.810.050.696.978	-	-	4.810.050.696.978
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.937.320.052	-	-	11.937.320.052
Các khoản ký quỹ, ký cọc	7.727.913.810	17.985.588.840	-	25.713.502.650
	8.037.910.180.506	17.985.588.840	-	8.055.895.769.346
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	1.156.633.790.958	2.808.284.870.898	287.518.314.966	4.252.436.976.822
Phải trả người bán và phải trả khác	2.906.807.990.628	-	-	2.906.807.990.628
Chi phí phải trả	1.382.256.877.426	-	-	1.382.256.877.426
	5.445.698.659.012	2.808.284.870.898	287.518.314.966	8.541.501.844.876
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.592.211.521.494	(2.790.299.282.058)	(287.518.314.966)	(485.606.075.530)

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam

Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty

Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam

Mối quan hệ

Công ty cùng có vốn đầu tư từ Petrovietnam

Công ty liên doanh

Công ty cùng có vốn đầu tư từ Petrovietnam

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	245.752.877.346	309.049.637.650
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	4.103.556.552.228	6.049.534.997.800
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị giao dịch:</i>		
<i>Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)</i>	1.304.009.781.570	962.115.783.650
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>246.654.462.858</u>	<u>306.166.103.400</u>

112
CHI
CƠ
HH
ELI
IẾT
TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***Mua hàng**

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	109.656.253.092	214.034.547.600
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	49.163.414.040	196.999.393.050
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty Công ty TNHH PV Drilling Expro International (PVD Expro)	123.937.623.426	220.414.634.200
	<u>84.033.075.696</u>	<u>134.979.230.750</u>

Vay từ PVCombank

Nhận nợ vay trong kỳ	1.956.665.376	8.511.714.850
Hoàn trả nợ gốc trong kỳ	1.956.665.376	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	93.375.586.260	49.176.628.980
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	2.850.835.470.120	2.503.525.894.344
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i>		
<i>Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)</i>	974.962.729.620	585.950.190.228
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	213.541.617.960	49.419.661.974

Các khoản phải trả

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	507.732.093.000	485.375.620.476
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i>		
<i>Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam</i>	481.138.320.960	447.235.034.982
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	76.325.984.460	183.196.758.162
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty Công ty TNHH PV Drilling Expro International (PVD Expro)	47.711.899.620	147.538.958.982

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	2.354.096.880	2.145.689.650
Tiền thưởng	347.106.546	661.917.250
Các khoản phúc lợi khác	90.098.256	90.009.800
	<u>2.791.301.682</u>	<u>2.897.616.700</u>

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 8.518.985.640 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 19.594.718.388 đồng) là giá trị tài sản mua sắm, xây dựng trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ đã bao gồm 8.836.300.967 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 17.859.648.500 đồng) là tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm trước đã được thanh toán trong kỳ này.

30-002
HÀNH
TY
HỮU
TTE
JAM
CÁI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 71.541.005.580 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 153.543.201.541 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm số tiền 72.161.769.108 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng năm 2014: 116.540.309.015 đồng) là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong kỳ này.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Số đã báo cáo / VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	97.675.786.758	24.939.765.822	122.615.552.580
2. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	250.554.078	250.554.078
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	25.190.319.900	(25.190.319.900)	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	-	17.985.588.840	17.985.588.840
5. Tài sản dài hạn khác	268	17.985.588.840	(17.985.588.840)	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.822.880.284.992	(440.623.407.566)	1.382.256.877.426
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	103.602.061.014	284.786.228.396	388.388.289.410
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	155.837.179.170	155.837.179.170
9. Quỹ đầu tư phát triển	418	971.278.960.699	384.621.651.961	1.355.900.612.660
10. Quỹ dự phòng tài chính	418	384.621.651.961	(384.621.651.961)	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
1. Các khoản dự phòng	03	(17.514.357.800)	99.431.359.000	81.917.001.200
2. Các khoản điều chỉnh khác	07	-	165.493.585.959	165.493.585.959
3. Giảm/(tăng) các khoản phải trả	11	905.038.280.421	(263.318.876.371)	641.719.404.050
4. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(139.075.097.650)	(1.606.068.588)	(140.681.166.238)

42. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu